

## Lao động nữ trong khu vực phi chính thức hiện nay

Vũ Thị Cúc

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Dựa trên kết quả một số nghiên cứu gần đây, bài viết điểm lại một vài đặc điểm về việc làm của lao động nữ trong khu vực phi chính thức, thực trạng sự tham gia cũng như những khó khăn và thách thức mà họ đang phải đối mặt. Chiếm 48% trong số 11 triệu việc làm tại khu vực phi chính thức và thu hút đông đảo lao động di cư, bộ phận lao động nữ ở khu vực được cho là đang có xu hướng “nữ hoá” này hầu hết có xuất phát điểm là lao động tự do và gặp rất nhiều bất lợi về cơ hội và điều kiện làm việc, khả năng tiếp cận phúc lợi xã hội cũng như mạng lưới an sinh xã hội. Dưới góc độ giới, bài viết cho thấy lao động nữ ở khu vực phi chính thức do có trình độ học vấn tương đối thấp so với mặt bằng học vấn của lao động nói chung và thấp hơn so với nam giới nên họ chủ yếu làm các công việc lao động chân tay và buôn bán tự do, làm các công việc nhẹ và ít tốn sức lực hơn nam giới nhưng họ nhận được mức lương thấp hơn và thời gian làm việc cũng phải kéo dài hơn so với nam giới.

**Từ khóa:** Lao động nữ; Phi chính thức; Khu vực phi chính thức; Việc làm; Thu nhập.

### 1. Đặt vấn đề

Khu vực phi chính thức là vấn đề đang được quan tâm hiện nay do những đóng góp của nó cho nền kinh tế. Có nhiều quan niệm khác nhau về khu vực này nhưng đều có chung ngụ ý rằng khu vực phi chính thức

bao gồm những cơ sở sản xuất kinh doanh ở quy mô nhỏ, không đăng ký kinh doanh, không chịu sự điều chỉnh của Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, không đóng bảo hiểm xã hội và không bao gồm các hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp vì các đặc điểm của khu vực phi chính thức rất khác so với hoạt động nông nghiệp về mùa vụ, tổ chức lao động, mức tạo thu nhập và tính pháp lý...(Viện Nghiên cứu Khoa học Thống kê, 2010).

Theo số liệu của Viện Nghiên cứu Khoa học Thống kê năm 2010, cả nước có 8,4 triệu hộ sản xuất, kinh doanh phi chính thức. Khu vực phi chính thức có một tỷ trọng vượt trội về việc làm, là khu vực cung cấp việc làm lớn thứ hai trong cả nước đứng sau nông nghiệp với hơn 11 triệu việc làm, thu hút gần 24% lực lượng lao động và đóng góp khoảng 20% vào GDP của cả nước (Razafindrakoto và các tác giả, 2013).

Xét trên phương diện chính sách, mặc dù khu vực phi chính thức ở Việt Nam được đánh giá là một bộ phận có quy mô lớn của nền kinh tế, đã tồn tại trong nhiều năm và ngày càng có nhiều cuộc điều tra, nghiên cứu về khu vực này, nhưng nó lại ít được đề cập đến trong các chính sách liên quan (Razafindrakoto và các tác giả, 2013; Viện Nghiên cứu Khoa học Thống kê, 2010; Hồ Đức Hùng và các tác giả, 2012). Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng khu vực này hầu như không được sự quan tâm của chính quyền địa phương cũng như không được hưởng lợi từ các chính sách hỗ trợ tạm thời trong các gói hỗ trợ kinh tế của Chính phủ (Cling và các tác giả, 2010).

Đặc điểm chung của khu vực phi chính thức là lao động tự do, không khai báo, không đóng thuế và thiếu sự quan tâm của các cơ quan quản lý nên thường nằm ngoài tầm kiểm soát của những người làm thống kê. Điều này dẫn đến tình trạng khó khăn về đo lường và thiếu số liệu thống kê chính xác. Xét trên khía cạnh khoa học, các nghiên cứu về khu vực phi chính thức chủ yếu dựa vào các cuộc điều tra phạm vi nhỏ, chủ yếu tập trung vào các đối tượng là kinh tế hộ gia đình với qui mô nhỏ và các cá nhân lao động tự do, tự tạo việc làm. Có rất ít các nghiên cứu mang tính hệ thống đề cập một cách toàn diện về khu vực này từ các nhà nghiên cứu trong nước cũng như nước ngoài, hoặc nếu có cũng chỉ là một số vấn đề được đề cập gián tiếp trong các chủ đề nghiên cứu khác liên quan. Các nghiên cứu xã hội học chuyên sâu đề cập một cách rõ ràng tới khu vực này nói chung, đặc biệt là về vấn đề giới nói riêng còn rất thiếu và nhiều vấn đề hiện còn đang bị bỏ ngỏ (Viện khoa học Thống kê, 2010; Cling và các tác giả, 2009).

Trong bối cảnh đó, việc có ít các nghiên cứu theo hướng tiếp cận giới là điều tất yếu bởi nhiều cuộc điều tra thiếu dữ liệu có phân tách giới về việc làm, lao động nói chung và đặc biệt là trong khu vực kinh tế phi chính thức nói riêng. Do đó, cũng dẫn đến tình trạng chung là các nghiên cứu

thường phân tích riêng hai nhóm lao động nam và lao động nữ, chứ không phân tích trong tương quan giới. Việc thiếu hụt các số liệu có sự phân tách giới sẽ không phản ánh được đầy đủ vấn đề giới trong việc làm của người lao động trong khu vực phi chính thức (Ngô Tuấn Dung, 2005; 2006).

Với những đóng góp của lao động tại khu vực kinh tế phi chính thức đối với xã hội và nền kinh tế hiện nay thì việc thừa nhận vị trí, vai trò xã hội cũng như tạo điều kiện cho họ thụ hưởng các dịch vụ công ích của xã hội là điều không thể phủ nhận (Viện Nghiên cứu Khoa học Thống kê, 2010). Bài viết sẽ điểm lại một số đặc điểm về việc làm của lao động nữ trong khu vực phi chính thức, thực trạng sự tham gia cũng như những khó khăn và thách thức mà họ đang phải đối mặt qua một số nghiên cứu gần đây.

## **2. Sự tham gia của phụ nữ và nam giới vào thị trường lao động việc làm khu vực kinh tế phi chính thức**

Có thể nói khu vực phi chính thức là khu vực năng động và sự phát triển khu vực này có ảnh hưởng tích cực đến điều kiện sống của các hộ gia đình ở Việt Nam thông qua việc tạo việc làm cho người lao động, giúp cho những người nghèo nhất có thể kiếm sống, nhất là ở khu vực thành thị. Việc làm trong khu vực này được nhiều lao động đánh giá là giải pháp tình thế để thoát khỏi tình trạng thất nghiệp (Razafindrakoto và các tác giả, 2013). Theo ước tính, việc làm trong khu vực phi chính thức sẽ tăng đến 27,5% vào năm 2015 (Cling và các tác giả, 2010a). Nguyên nhân chính là do khả năng hạn chế của khu vực chính thức trong việc thu hút số lao động mới tham gia thị trường và một số lượng rất lớn người lao động chuyển đổi việc làm từ các hoạt động nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

Theo kết quả điều tra mức sống hộ gia đình 2008, tỷ lệ lao động nữ đang làm việc trong khu vực phi chính thức chiếm 70% trong tổng số lao động, trong đó chỉ có 40% tham gia công việc được trả lương (Tổng cục Thống kê, 2008). Còn kết quả từ cuộc khảo sát việc làm chính thức cho biết lao động nữ chiếm 48% trong số 11 triệu việc làm tại khu vực phi chính thức (Razafindrakoto và các tác giả, 2013). Nghiên cứu của Cling và cộng sự (2010: 20) cũng cho thấy điểm tương đồng, đó là lao động nữ tập trung đông ở khu vực phi chính thức thành thị, như thành phố Hồ Chí Minh chiếm 56% và Hà Nội là 50,3%. So sánh trong khối các doanh nghiệp, thấy rằng các doanh nghiệp thuộc khu vực phi chính thức chiếm ưu thế trong thu hút lao động nữ, cụ thể tỷ lệ lao động nữ trong các doanh nghiệp phi chính thức chiếm tỷ lệ cao nhất (59,3%), doanh nghiệp nhà nước chiếm 42,7% và doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 54,8% (Phạm Văn Dũng và các tác giả, 2004: 127).

Lao động di cư cũng là nhóm được quan tâm trong các nghiên cứu về khu vực phi chính thức. Nhiều nghiên cứu khẳng định rằng thị trường lao động phi chính thức là khu vực thu hút đông đảo người di cư, có mối liên

hệ giữa kinh tế phi chính thức với nghèo đói và di cư (Maurizio, 2013; Cling và các tác giả, 2013).

Kết quả điều tra lao động việc làm 2012 cho thấy trong tổng số 892,3 nghìn người di cư từ 15 tuổi trở lên tỷ lệ nữ chiếm tới 60,1%. Cũng trong tổng số người di cư thì tỷ lệ tham gia lực lượng lao động chiếm đến 81,4% và có sự chênh lệch đáng kể về giới trong nhóm này với tỷ lệ tương ứng là nam 86,4% và nữ 78%. Tại thành phố Hà Nội tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ di cư cao hơn so với nam giới (Tổng cục Thống kê, 2013: 51).

Thực tế tại Việt Nam hiện nay, thị trường việc làm khu vực phi chính thức là nơi thu hút khá đông lao động di cư tự do và đây là nhóm lao động có khuôn mẫu giới rất rõ. Rất đông phụ nữ từ nông thôn ra đô thị làm việc ở khu vực này như giúp việc nhà, làm nghề bán hàng rong, buôn đồng nát, thợ may, người giúp việc gia đình... và những người tự nguyện làm công cho người khác mà không được ký hợp đồng lao động (Đặng Nguyên Anh, 2009; Nguyễn Thanh Tâm và các tác giả, 2009). Theo tính toán của Nguyễn Hữu Chí (2013) dựa vào nguồn dữ liệu của Điều tra Di cư Việt Nam do Tổng cục Thống kê thực hiện năm 2004 về quá trình di cư nông thôn thành thị ở vùng Đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ người di cư từ nông thôn ra thành thị làm việc ở khu vực phi chính thức chiếm tới 66% trong tổng số lao động ở khu vực phi chính thức. Trong đó tỉ lệ nữ trong số những người di cư này tương đối cao và họ tham gia chủ yếu vào việc làm phi chính thức (Dẫn theo Nguyễn Hữu Chí, 2013: 116). Tuy nhiên, trong nghiên cứu này tác giả cũng không đưa ra được số liệu cụ thể về tỷ lệ nữ tham gia mà chỉ nêu ra nhận xét một cách chung như vậy, điều này cũng phần nào thể hiện sự mờ nhạt về giới trong các nghiên cứu về lao động khu vực phi chính thức.

Trình độ học vấn của lao động nữ khu vực phi chính thức tương đối thấp so với mặt bằng học vấn của lao động nói chung và thấp hơn so với nam giới. Theo tính toán của Cling và cộng sự (2010), tỉ lệ lao động nữ có trình độ văn hóa từ lớp 12 trở lên chiếm 15,7%. Nghiên cứu của Phạm Văn Dũng và cộng sự (2004: 126) cũng khẳng định rằng trình độ văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ của lao động khu vực phi chính thức còn thấp, một mặt phản ánh trình độ công nghệ và trang thiết bị sản xuất tại các cơ sở này rất đơn giản đồng thời cũng cho thấy thực tế là khu vực kinh tế phi chính thức chủ yếu thu hút lao động ít được đào tạo, lao động yếu thế trên thị trường lao động. Trình độ văn hóa của lao động nữ thấp hơn so với lao động nam ở cả hai nhóm lao động tự do và lao động làm thuê được trả công. Về nhóm di cư ở khu vực này, mặt bằng học vấn của lao động nhìn chung còn thấp, tập trung nhiều nhất ở trình độ trung học cơ sở đối với cả hai nhóm nam (49,8%) và nữ (56,6%), phụ nữ có trình độ học vấn trung bình thấp hơn nam giới (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2010).

Cho đến nay vẫn chưa có được một sự thống nhất giữa các kết quả nghiên cứu về tỉ lệ nữ giới tham gia lực lượng lao động khu vực phi chính thức xuất phát từ việc quan niệm cũng như cách hiểu khác nhau về khu vực kinh tế phi chính thức cũng như việc làm phi chính thức của các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên hầu hết các nghiên cứu đều có chung nhận định rằng sự tập trung đông đảo của nữ giới ở khu vực kinh tế phi chính thức đã hình thành xu hướng “nữ hoá” lao động ở khu vực này (Viện Nghiên cứu Khoa học thống kê, 2010).

### **3. Khác biệt giới trong nghề nghiệp và thu nhập của lao động tại khu vực phi chính thức**

Các nghiên cứu về lao động tại khu vực phi chính thức đều cùng quan điểm cho rằng điều kiện làm việc không được đảm bảo vẫn là một đặc điểm cơ bản của khu vực này. Một nghiên cứu về khu vực kinh tế phi chính thức ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh dựa trên số liệu của hai cuộc điều tra Lao động việc làm năm 2007 và năm 2009 cho rằng tỷ lệ người lao động làm việc không được ký hợp đồng gần như không có sự thay đổi qua các năm (tỷ lệ tương ứng là 61% năm 2007 và 62% năm 2009) (Cling và các tác giả, 2010a). Mặc dù vậy, khu vực phi chính thức vẫn là khu vực có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết việc làm và thu nhập cho các đối tượng yếu thế hơn trong nền kinh tế, đặc biệt đối với lao động nữ.

Xét theo tính chất công việc thấy rằng có sự khác biệt giới trong các cơ hội nghề nghiệp cũng như điều kiện làm việc của người lao động. Lao động nam có xu hướng làm việc trong các ngành như xây dựng, xe ô tô, đập xích lô, cử vận... còn lao động nữ lại chiếm ưu thế trong nhóm lao động yếu thế là lao động tự làm và lao động gia đình. Đây là hai nhóm công việc không ổn định và gần như không được hưởng một loại hình bảo hiểm xã hội nào. Kết quả điều tra lao động việc làm 2012 cho thấy trong toàn bộ nền kinh tế tỷ trọng lao động tự làm và lao động gia đình chiếm tới 62,6%, cao gấp đôi so với tỷ trọng người làm công ăn lương. Tỷ trọng lao động tự làm và lao động gia đình của nữ cao hơn nam là 12,8 điểm phần trăm (Tổng cục Thống kê, 2013).

Theo kết quả điều tra Lao động việc làm năm 2012, cơ cấu lao động làm ở khu vực phi chính thức gồm 3 loại hình công việc chủ yếu là chủ cơ sở, tự làm và lao động gia đình. Trong nhóm lao động tự làm và lao động gia đình, tỷ trọng nữ giới chiếm 69,1% trong tổng số người có việc làm và tỷ lệ này cao hơn nam giới (56,3%). Tỷ trọng nữ giới tham gia nhóm lao động tự làm và lao động gia đình cao hơn nam giới ở cả hai khu vực nông thôn và thành thị (Tổng cục Thống kê, 2013).

Các nghiên cứu khác cũng cho thấy sự khác biệt giới về cơ cấu nghề nghiệp của lao động theo hướng lao động nữ tập trung ở các công việc kỹ thuật thấp, có mức lương thấp như buôn bán, may mặc, dịch vụ, chế biến

nhỏ lương thực, thực phẩm... Nam giới lại chiếm tỉ trọng lớn trong các ngành cơ khí chế tạo, xây dựng và giao thông, đánh bắt thủy sản và khai thác mỏ, dịch vụ nông nghiệp... (Phạm Văn Dũng và các tác giả, 2011: 90-91). Xét về tính chất công việc thì nữ giới thường là đối tượng chịu sự kém an toàn hơn so với nam giới cùng nghề, ngoài ra nữ giới cũng ít người có địa điểm sản xuất kinh doanh cố định hơn nam giới nên họ chủ yếu thực hiện công việc kinh doanh bên ngoài nhà mình, đây cũng là một trong những thực tế lý giải vì sao họ lại chịu nhiều rủi ro hơn nam giới (Cling và các tác giả, 2010: 21).

Đối với nhóm lao động di cư, các nghiên cứu đều cùng chung quan điểm rằng có khác biệt rõ rệt trong cơ cấu nghề nghiệp theo hướng lao động nữ tập trung đông đảo ở nhóm nghề lao động giản đơn hay tự kinh doanh như đồng nát, bán hàng rong, nhặt rác..., nam giới thường tập trung ở các công việc làm thuê tự do như bốc vác, cứu vạt, thợ điện.... Kết quả nghiên cứu gần đây của Nguyễn Thị Thanh Tâm và cộng sự (2012) về chiến lược và cách thức tổ chức cuộc sống trong gia đình có vợ/chồng di cư lao động tự do cho thấy phần lớn những người phụ nữ di cư làm công việc giúp việc gia đình (41%), bốc vác ở các chợ đầu mối hoặc làm thuê tự do (32,8%) và buôn bán hàng rong (29,5%). Lao động nam chủ yếu lựa chọn làm thuê tự do (91,6%), chỉ có một tỉ lệ rất ít nam giới làm giúp việc gia đình (0,4%), nhưng công việc giúp việc của họ không phải là nội trợ mà là làm thuê cho nhà hàng của người chủ (Nguyễn Thị Thanh Tâm và các tác giả, 2012, 2009; Trần Nguyệt Minh Thu, 2012).

Khi xem xét lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, Phạm Văn Dũng và cộng sự (2004) nhận thấy khi vào thành phố lao động nam dễ tìm việc và thời gian tìm việc ngắn hơn lao động nữ, nhưng ngược lại số phụ nữ phải đứng chờ việc làm trên các vỉa hè, đường phố lại ít hơn nam giới. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Tâm và cộng sự (2009) cũng khẳng định phần lớn người di cư tự do đến Hà Nội có việc làm ngay mà không phải chờ đợi (76,4%). Tỉ lệ phụ nữ có việc làm ngay trong ngày đến là 84,5%, cao hơn nam giới khá nhiều (66,8%), tỉ lệ phụ nữ di cư phải chờ một vài ngày đến một tuần mới tìm được việc là 10,5% trong khi tỉ lệ ở nam là 24,1%, tỉ lệ nữ di cư phải chờ 1 tháng mới tìm được việc chỉ có 1,6% và nam 6,0% (Nguyễn Thị Thanh Tâm và các tác giả, 2009).

Về thời gian làm việc trung bình mỗi ngày các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng lao động nữ di cư có thời gian lao động kiếm tiền cao hơn nam giới. Trần Nguyệt Minh Thu phân tích khảo sát của Tổng cục Thống kê với 600 lao động di cư tại ba quận nội thành Hà Nội là quận Hoàng Mai, Đống Đa và Ba Đình cho thấy nữ có thời gian làm việc trung bình mỗi ngày cao hơn so với nam giới nhưng không khác biệt nhiều, cụ thể là thời gian làm việc trung bình mỗi ngày của nữ là 9,38 giờ và của nam giới là 9,28 giờ. Tỉ lệ nữ lao động làm việc trên 8 tiếng mỗi ngày chiếm 64,6%

trong khi nam chỉ chiếm 52,5% cho thấy nữ giới có thời gian lao động kiếm tiền nhiều hơn nam (Trần Nguyệt Minh Thu, 2012). Kết quả phân tích của Nguyễn Đức Tuyền (2010) cũng cho thấy thời gian làm việc của lao động nữ di cư cao hơn so với lao động nam di cư, tuy nhiên sự chênh lệch không đáng kể (nữ làm việc trung bình 26,03 ngày/tháng, nam giới làm việc trung bình 25,64 ngày/tháng (Nguyễn Đức Tuyền, 2010: 66). Như vậy, nhìn chung lao động nữ tại khu vực phi chính thức thường làm các công việc nhẹ, tốn ít sức lực hơn so với nam giới, nhưng thời gian làm việc lại nhiều hơn nam và thậm chí họ làm nhiều công việc trong cùng một khoảng thời gian hơn so với lao động nam. Thu nhập trung bình của cả nam và nữ ở khu vực phi chính thức đều thấp hơn khu vực chính thức trong khi khoảng cách thu nhập theo giới ở khu vực phi chính thức lại lớn hơn so với khu vực chính thức. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới năm (2011: 58) cũng như tính toán của nhóm tác giả Cling và cộng sự (2010: 19), thu nhập bình quân của lao động tại khu vực phi chính thức là 1,1 triệu đồng/tháng, dường như là thấp nhất trong các khu vực kinh tế, chỉ cao hơn so với thu nhập của khu vực nông nghiệp. Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (2011: 64) cũng khẳng định, những lao động được trả công thấp chủ yếu là lao động thuộc khu vực phi chính thức những người ít hoặc không được tiếp cận các lợi ích an sinh xã hội chính thức.

Theo kết quả điều tra Lao động việc làm năm 2012, trong ba khu vực chính của nền kinh tế là “nhà nước”, “ngoài nhà nước” và “vốn đầu tư nước ngoài” thì khu vực “ngoài nhà nước” có tiền lương bình quân thấp nhất (khoảng 3,3 triệu đồng/tháng). Một phân tích dựa trên điều tra lao động việc làm 2009 cho thấy, xét theo từng khu vực riêng thì mặt bằng thu nhập của người lao động thuộc khu vực phi chính thức cũng có sự khác nhau. Cụ thể ở hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động khu vực phi chính thức tại Hà Nội là 3,6 triệu đồng trong khi mức thu nhập trung vị là 1,9 triệu đồng, còn thành phố Hồ Chí Minh các mức thu nhập tương ứng là 2,7 triệu đồng và mức trung vị là 2 triệu đồng (Nguyễn Thị Thu Huyền và các tác giả, 2010).

So sánh thu nhập của lao động di cư thì thấy thu nhập của nữ cũng thấp hơn nam giới là do nữ giới bị hạn chế về sức khỏe nên họ thường làm những công việc nhẹ nhàng hơn nam giới và được trả công thấp hơn. Nhưng cũng phải thấy rằng phụ nữ di cư không phải chỉ làm một công việc mà nhiều người còn tranh thủ làm thêm các công việc khác ngoài công việc chính nên tổng thu nhập của họ cũng không phải ở mức quá thấp (Phạm Văn Dũng và các tác giả, 2004: 164). Nghiên cứu của Trần Nguyệt Minh Thu (2012) cũng khẳng định lao động nữ thường có xu thế làm nhiều việc để cải thiện thu nhập, nhiều lao động nữ di cư làm nhiều công việc khác nhau trong ngày. Ví dụ sáng buôn bán đồng nát, buổi trưa đi nấu

cơm văn phòng, chiều và tối dọn dẹp nhà cửa. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu về người di cư tự do từ nông thôn vào các thành phố và các vùng phụ cận do Viện Gia đình và Giới chủ trì thực hiện trong hai năm 2008 và 2009, với số lượng người phỏng vấn là 700 người di cư đang làm việc tại các quận nội thành Hà Nội lại cho thấy, tỉ lệ nữ lao động di cư làm thêm việc phụ thấp hơn so với nam giới (10,3% nữ giới so với 11,8% nam giới). Kết quả nghiên cứu này cũng chỉ rõ thu nhập trung bình theo tháng của lao động nữ di cư chỉ bằng 72% thu nhập của lao động nam (cụ thể của nữ là 1.410.000 đồng và của nam là 1.958.000 đồng) (Nguyễn Đức Tuyên, 2010: 65).

Hiện còn tồn tại sự khác biệt giới về thu nhập của lao động tại khu vực phi chính thức. Kết quả đánh giá của Ngân hàng Thế giới cho thấy nam giới có thu nhập cao hơn nữ giới gần 50% trong các doanh nghiệp hộ gia đình mặc dù không có khác biệt lớn về giờ làm việc, trình độ học vấn cũng như thâm niên nghề nghiệp (Ngân hàng Thế giới, 2011: 66).

So sánh giữa hai khu vực chính thức và phi chính thức thấy rằng nếu xác suất để trở thành công nhân được hưởng lương của nữ giới và nam giới trong khu vực kinh tế chính thức là không khác biệt, thì trong khu vực phi chính thức nữ giới kém hơn so với nam giới hai phần ba lần cơ hội để có được nghề có lương. Thu nhập của phụ nữ thường thấp hơn so với nam giới tới 30% cho dù giống nhau về thời gian cũng như tính chất công việc (Viện Khoa học Thống kê, 2010).

Nhìn nhận chung dưới góc độ giới, thấy rằng lao động nữ ở khu vực phi chính thức do xuất phát điểm của họ hầu hết là lao động tự do không có bằng cấp nên họ chủ yếu làm các công việc lao động chân tay và buôn bán tự do, làm các công việc nhẹ và ít tổn sức lực hơn nam giới. Họ nhận được mức lương thấp hơn và thời gian làm việc cũng phải kéo dài hơn so với nam giới.

Kết quả nhiều nghiên cứu đều cho thấy lao động nữ khu vực phi chính thức hiện đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc làm, họ thường xuyên đứng trước nguy cơ mất việc và phải chịu sức ép cao hơn rất nhiều so với lao động nữ trong khu vực Nhà nước. Thậm chí để có được công việc họ phải chấp nhận mức tiền lương thấp với điều kiện làm việc tồi tàn, thời gian làm việc tăng, thời gian nghỉ ngơi bị cắt, không có phương tiện bảo hộ lao động... Đây cũng chính là thực trạng chung của những lao động nữ có trình độ chuyên môn thấp, bị dôi dư từ khu vực chính thức (Viện Khoa học Lao động và xã hội, 2005; Viện Nghiên cứu Khoa học Thống kê, 2010). Các nghiên cứu về lao động tại khu vực phi chính thức đều thống nhất với nhau ở quan điểm cho rằng điều kiện làm việc không được đảm bảo vẫn là một đặc điểm cơ bản của khu vực này.



### 3. Kết luận

Khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam trong những năm gần đây cho thấy sự gia tăng mạnh mẽ về qui mô trên phương diện việc làm, đây cũng chính là một trong những nhân tố góp phần gây dựng nên sức sống bền bỉ của thị trường Việt Nam trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế. Theo dự báo, khu vực kinh tế này rất có thể sẽ tiếp tục thu hút người lao động không tìm được việc làm trong khu vực chính thức, bởi khủng hoảng tài chính toàn cầu. Chính vì vậy, việc phát huy thế mạnh của khu vực kinh tế này để đóng góp vào phát triển kinh tế đất nước là điều hết sức cần thiết.

Tuy nhiên, hiện nay khu vực kinh tế phi chính thức còn tồn tại rất nhiều bất lợi cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ về cơ hội và điều kiện làm việc, khả năng tiếp cận phúc lợi xã hội cũng như mạng lưới an sinh xã hội do không được chú trọng trong các chính sách kinh tế của nhà nước cho khu vực kinh tế này. Vì vậy, rất cần tạo chính sách bình đẳng cho lao động ở khu vực phi chính thức để giải quyết được yêu cầu về việc làm cũng như bảo đảm quyền lợi, cuộc sống của người lao động, áp dụng các chính sách phù hợp dành riêng cho khu vực này để rút ngắn khoảng cách bất bình đẳng về lao động việc làm giữa hai khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức như hiện nay. ■

#### Tài liệu trích dẫn

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 2010. Báo cáo tóm tắt mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 2010 tại Hội thảo giới và việc thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ MDGs tại Việt Nam, ngày 6-7/9/2010.
- Cling Jean-pierre, Mireille Razafindrakoto, Francois Foubaud. 2009. *Thị trường lao động khu vực phi chính thức và điều kiện sống của hộ gia đình tại Việt Nam*.
- Cling Jean-pierre, Đỗ Hoài Nam, Stéphane Lagrée, Mireille Razafindrakoto, Francois Roubaud. 2013. *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- Cling Jean-Pierre, Mireille Razafindrakoto, Francois Roubaud, Nguyễn Hữu Chí. 2010. *Cuộc khủng hoảng kinh tế đã tác động đến Việt Nam ở mức độ nào? Phân tích trọng tâm về khu vực phi chính thức ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh*. Báo cáo tóm lược chính sách, Dự án TCTK/IRD-DIAL, Tháng 12 - 2010.
- Cling và những người khác. 2010a. *Cuộc khủng hoảng kinh tế đã tác động đến Việt Nam ở mức độ nào? Phân tích trọng tâm về khu vực phi chính thức ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh*. Báo cáo tóm lược chính sách. Dự án GOS/IRD-DIAL. Tháng 12/2010.
- Hồ Đức Hùng, Nguyễn Duy Tâm, Mai Thị Nghĩa. 2012. Từ việc làm trong khu vực kinh tế phi chính thức đến việc làm chính thức ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển và hội nhập*, Số 3 (13) - Tháng 3-4/2012, tr. 65-70.
- Maurizio Roxana. 2013. Lao động phi chính thức và nghèo đói ở châu Mỹ Latin: Trường hợp của Argentina, Brazil, Chile và Peru. Trong cuốn: *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Nhóm biên soạn: Cling Jean-pierre

- và các tác giả khác. Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr. 39 -72.
- Ngân hàng thế giới. 2011. *Đánh giá giới tại Việt Nam*.
- Ngô Tuấn Dung. 2005. Giới và việc làm trên thị trường lao động một số tiếp cận lý thuyết. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4/2005.
- Ngô Tuấn Dung. 2006. Giới và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hoá - Một số vấn đề đặt ra. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 4/2006.
- Nguyễn Đức Tuyển. 2010. Một số yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và tiền gửi của người di cư tự do tại Hà Nội. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1/2012.
- Nguyễn Hữu Chí và những người khác. 2010. *Thị trường lao động và kinh tế phi chính thức ở Việt Nam trong thời gian khủng hoảng và phục hồi 2007-2009: Một số nét chủ yếu từ cuộc Điều tra Lao động và Việc làm (ĐT LD&VL)*. Báo cáo tóm lược chính sách.
- Nguyễn Hữu Chí. 2013. Việc làm cho lao động di cư từ nông thôn đến thành thị: các phân tích về lựa chọn công việc và thu nhập của lao động di cư so với lao động tại chỗ ở thành thị vùng Đồng bằng sông Hồng. Trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Nxb. Tri thức, Hà Nội, Tr.105-136.
- Nguyễn Thị Thanh Tâm và các tác giả khác. 2009. *Sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn vào các thành phố và các vùng phụ cận: Nghiên cứu trường hợp Hà Nội*. Báo cáo đề tài cấp bộ.
- Nguyễn Thị Thanh Tâm và các tác giả khác. 2012. *Xây dựng gia đình ở người di cư lao động tự do: Tổ chức cuộc sống gia đình ở những gia đình có người di cư lao động tự do*. Báo cáo đề tài cấp bộ.
- Nguyễn Thị Thu Huyền, Axel Demenet, Mireille Razafindrakoto và Francois Roubaud (IRD-DIAL) với sự hỗ trợ của Đào Ngọc Minh Nhung, Đinh Bá Hiến và Nguyễn Hữu Chí (TCTK). 2010. *Sự năng động của khu vực phi chính thức ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2009: Một số phát hiện chính từ Điều tra Hộ Sản xuất Kinh doanh và Khu vực Phi chính thức (HB&IS)*
- Phạm Văn Dũng và các tác giả khác. 2004. *Khu vực kinh tế phi chính thức: Thực trạng và những vấn đề đặt ra với công tác quản lý*. Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
- Razafindrakoto Mireille, Francois Foubaud, Wachsberger J. M. 2013. Việc làm trong khu vực kinh tế phi chính thức: Tự nguyện hay bắt buộc? Phân tích sự hài lòng về công việc tại Việt Nam. Trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. 2008. *Kết quả khảo sát mức sống dân cư 2008*.
- Tổng cục Thống kê. 2013. *Báo cáo điều tra lao động việc làm 2012*.
- Trần Nguyệt Minh Thu. 2012. *Giới và tiền chuyển về của lao động di cư*.
- Viện Khoa học Lao động và xã hội. 2005. *Báo cáo Phân tích chính sách đối với lao động nữ*. Dự án Điều tra cơ bản về bình đẳng giới.
- Viện Khoa học Lao động và xã hội. 2012. *Xu hướng lao động và xã hội Việt Nam 2012*.
- Viện Nghiên cứu Khoa học Thống kê. 2010, *Khu vực kinh tế phi chính thức ở hai thành phố lớn của Việt Nam: Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh*, Hà Nội tháng 5/2010.